

Số: 1000 /QĐ-UBND

Minh Hưng, ngày 09 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án: Nâng cấp, sửa chữa Chợ Minh Hưng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH 15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/06/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/09/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/08/2024 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BXD ngày 30/12/2024 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy trình đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 25/01/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BXD ngày 31/3/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BXD ngày 26/02/2024 của Bộ Xây dựng về Thông tư hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BXD ngày 06/02/2025 của Bộ Xây dựng hợp nhất Nghị định hướng dẫn về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành;

Căn cứ Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì và sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Ban hành quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 624/QĐ-SoXD ngày 30/12/2025 của Sở Xây dựng về việc công bố đơn giá, nhân công xây dựng; đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Hướng dẫn số 01/HD-SoXD ngày 14/7/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc Hướng dẫn áp dụng đơn giá nhân công xây dựng; đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 3336/SXD-QLHĐ&VLXD ngày 03/4/2026 của Sở Xây dựng về việc Công bố giá vật liệu xây dựng tại các mỏ từ tháng 4/2026;

Căn cứ Công văn số 3342/SXD-QLHĐ&VLXD ngày 03/4/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tháng 3 năm 2026; Công văn số 3444/SXD-QLHĐ&VLXD ngày 07/4/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc Công bố giá vật liệu xây dựng tại các mỏ từ tháng 04/2026, tiếp theo Văn bản công bố giá tại mỏ số 3336/SXD-QLHĐ&VLXD ngày 03/4/2026 của Sở Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND phường Minh Hưng về Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 trên địa bàn phường Minh Hưng;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 30/01/2026 của HĐND phường Minh Hưng về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 trên địa bàn phường Minh Hưng;

Căn cứ Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND phường Minh Hưng về chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, sửa chữa Chợ Minh Hưng;

Căn cứ Công văn số 969/UBND-KT ngày 09/5/2026 của UBND phường Minh Hưng về việc chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Chợ Minh Hưng, phường Minh Hưng, thành phố Đồng Nai;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 660/TTr-P.KTHTĐT ngày 09/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Nâng cấp, sửa chữa Chợ Minh Hưng với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật): Nâng cấp, sửa chữa Chợ Minh Hưng.
2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:

- Nhóm dự án: Nhóm C
- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông - Cấp IV.
- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: ≥ 10 năm.
- 3. Mã số thông tin công trình: Chưa có mã số thông tin công trình.
- 4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND phường Minh Hưng.
- 5. Chủ đầu tư: Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Minh Hưng.
- 6. Địa điểm xây dựng: phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Minh Hưng, Tp. Đồng Nai).
- 7. Tổ chức tư vấn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng Minh Quân.
- 8. Mục tiêu dự án: Nâng cấp, sửa chữa hệ thống đường nội bộ và hệ thống thoát nước trong khu vực Chợ Minh Hưng nhằm khắc phục tình trạng xuống cấp, ngập úng, bảo đảm điều kiện đi lại, vận chuyển hàng hóa và hoạt động buôn bán của tiểu thương; góp phần bảo đảm an toàn tài sản của người dân, cải thiện vệ sinh môi trường, xây dựng môi trường kinh doanh văn minh, an toàn và từng bước hoàn thiện hạ tầng chợ trên địa bàn.
- 9. Quy mô đầu tư xây dựng: Nâng cấp, sửa chữa Chợ Minh Hưng, với các nội dung chủ yếu như sau:
 - Đầu tư nâng cấp hệ thống đường giao thông nội bộ chợ theo tiêu chuẩn đường cấp IV; vận tốc thiết kế 30 km/h; tổng chiều dài tuyến khoảng 725,5m (tuyến 1: dài khoảng 362m; tuyến 2: dài khoảng 363,5m), gồm:
 - Mặt cắt ngang đường:

+ Chiều rộng nền đường	: 7 m
+ Chiều rộng mặt đường	: 5 m.
+ Độ dốc ngang mặt đường	: 2%
+ Chiều rộng vỉa hè phải tuyến 1 là	: 2m x 1 bên.
+ Chiều rộng vỉa hè trái tuyến 2 là	: 2m x 1 bên.
+ Độ dốc ngang vỉa hè	: 1% (hướng vào lòng đường).
 - Bình đồ tuyến bám theo tim hiện hữu: Đầu tuyến giáp với đường Quốc lộ 13 cuối tuyến giáp đường ĐH.03.
 - Thiết kế trắc dọc: Theo quy hoạch, thiết kế đảm bảo thoát nước có xem xét các vị trí khống chế như vị trí điểm đầu, điểm cuối, vị trí cống.
 - Kết cấu nền mặt đường (từ trên xuống)
 - + Lớp bê tông nhựa C9,5 dày 7cm độ chặt $K \geq 0,98$; E 145 Mpa.
 - + Tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 1,0 kg/m².



- + Cấp phối đá dăm lớp trên dày 10cm, độ chặt $K \geq 0,98$. E 140Mpa.
- + Cấp phối đá dăm lớp dưới dày 15cm, độ chặt $K \geq 0,98$. E 135Mpa.
- + Nền đường đào lu nền, độ chặt $K \geq 0,95$. E 100Mpa.

- Kết cấu vỉa hè:

- + Lát gạch Terazo kích thước (400x400x25)mm.
- + Lớp bê tông đá 4x6 mác 150 dày 10cm.
- + Lớp đất cấp 3 lu lèn độ chặt $K \geq 0,95$.

- Bó vỉa:

- + Cao 12cm so với mép nhựa bằng bê tông xi măng đá 1x2 mác 250.
- + Lớp móng bê tông đá 4x6 mác 150 dày 10cm.
- + Lớp đất cấp 3 lu lèn độ chặt $K \geq 0,95$.

- Tường chắn: Kết cấu bằng bê tông đá 1x2 M200 rộng 20cm, cao 30cm.

- Hệ thống thoát nước:

+ Hệ thống thoát nước mưa: Bằng công bê tông cốt thép đúc sẵn M300 dọc hai bên tuyến cống BTCT D800 (có bảng tính thoát nước kèm theo), ở hai bên vỉa hè, cách khoảng 25-40m bố trí 1 hố ga thu nước mặt đường đúc tại chỗ bằng bê tông xi măng M200. Và được đấu nối vào hệ thống thoát nước tại vị trí cống D800 hiện hữu.

- Phần điện chiếu sáng:

- + Tổng chiều dài đơn tuyến hệ thống chiếu sáng: 781 mét;
- + Trụ đèn cao áp côn tròn cao 6m: 26 trụ.
- + Cản đèn kiểu đơn D60, cao 2m vươn xa 1,5m, dày 3mm: 26 cản.
- + Bộ đèn Led cao áp 150W: 26 bộ.
- + Tủ điều khiển chiếu sáng tự động: 1 tủ.

- Bố trí vạch sơn, biển báo hiệu an toàn giao thông theo QCVN 41:2024/BGTVT.

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 4419:1987 khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản;
- TCVN 5724:1993 kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Điều kiện kỹ thuật tối thiểu để thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4453:1995 kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu;
- TCVN 2737:1995 tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4054:2005 đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- Quy trình thiết kế cầu cống 22TCN 272-05;

- TCVN 7570:2006 cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 104:2007 đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;
- TCCS 07:2013/TCĐBVN tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;
- TCVN 9398:2012 công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung;
- TCVN 9401:2012 kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình;
- TCVN 4087:2012 sử dụng máy xây dựng - Yêu cầu chung;
- TCVN 4252:2012 quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công;
- TCVN 4055:2012 tổ chức thi công xây dựng;
- TCVN 9113:2012 ống bê tông cốt thép thoát nước;
- TCVN 9343:2012 kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn công tác bảo trì;
- TCVN 9345:2012 kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động khí hậu nóng ẩm;
- TCVN 9436:2012 nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4447:2012 công tác đất - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4506:2012 nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 9205:2012 cát nghiền cho bê tông và vữa;
- TCVN 3989:2012 hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Cấp nước và thoát nước - Mạng lưới bên ngoài - Bản vẽ thi công;
- TCVN 9845:2013 tính toán đặc trưng dòng chảy lũ;
- Thông tư số 27/2014/TT-BGTVT ngày 28/7/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý chất lượng nhựa đường sử dụng trong công trình giao thông;
- TCVN 10380:2014 đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;
- QCVN 07:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- TCCS 14:2016/TCĐBVN tiêu chuẩn tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác;
- TCVN 5846:2016 cột điện bê tông ly tâm - Kết cấu và kích thước;
- TCVN 11823:2017 thiết kế cầu đường bộ;
- TCVN 12041:2017 kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu chung về thiết kế độ bền lâu và tuổi thọ trong môi trường xâm thực;
- TCVN 5574:2018 thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
- TCVN 1651-1:2018 và TCVN 1651-2:2018 thép cốt bê tông;
- TCCS 31:2020/TCĐBVN tiêu chuẩn khảo sát đường ô tô;

- TCCS 34:2020/TCĐBVN gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 8857:2011 lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8859:2011 lớp cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8791:2011 sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8817-1:2011 nhũ tương nhựa đường axit - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 8818-1:2011 nhựa đường lỏng - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 8819:2011 mặt đường bê tông nhựa nóng - Yêu cầu thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8820:2011 hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall;

- TCVN 8864:2011 mặt đường ô tô - Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0 m;

- TCVN 5573:2011 kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 13592:2022 đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 4314:2022 vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 3106:2022 hỗn hợp bê tông nặng - Phương pháp xác định độ sụt;

- TCVN 3118:2022 bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ nén;

- TCCS 38:2022/TCĐBVN tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm;

- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình hạ tầng kỹ thuật;

- TCVN 7957:2023 thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế;

- QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- Ngoài ra còn tham khảo một số quy trình, quy phạm, các thiết kế điển hình khác của Nhà nước và của Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải ban hành.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; các giá trị khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 11.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ đồng), Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 9.522.385.119 đồng

- Chi phí QLDA: 263.000.000 đồng

- Chi tư vấn đầu tư xây dựng: 668.155.871 đồng

- Chi phí khác: 262.711.958 đồng

- Chi phí dự phòng: 283.747.052 đồng

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND phường Minh Hưng .

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không.

16. Các nội dung khác: Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Minh Hưng thực hiện các kiến nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Công văn số 514/P.KTHTĐT ngày 09/5/2026.

(Kèm theo hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được Phòng Quản lý đô thị thẩm định tại Công văn số 514/P.KTHTĐT ngày 09/5/2026).

Điều 2. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Minh Hưng (là chủ đầu tư) có trách nhiệm triển khai, thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Minh Hưng; Trưởng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT. Đảng ủy, TT.HĐND phường (b/c);
- CT, các PCT. UBND phường;
- Như Điều 3;
- Phòng KTHTĐT (3b);
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường (10b);
- LĐVP, CV: KT;
- Lưu: VT (NKL).



CHỦ TỊCH

Lê Khắc Đồng